



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGD-ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 100% trẻ được khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. - Đảm bảo cung cấp khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ trong ngày tại trường đạt calo 60-70%. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. - 100% trẻ được chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non.	- 100% trẻ được khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. - Đảm bảo cung cấp khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ trong ngày tại trường đạt calo 50-55%. - Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. - 100% trẻ được chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục mầm non (Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục mầm non).	
II	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Giáo dục phát triển thể chất: *Phát triển vận động: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi . - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. -Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. -Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). -Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. * Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe: - Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt. - Làm quen với một số việc tự phục vụ.	1. Giáo dục phát triển thể chất: *Phát triển vận động: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi . - Có một số tố chất vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. -Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. -Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. -Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay *Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe: - Có một số hiểu biết về thực

TT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. 2. Giáo dục phát triển nhận thức: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói và nhắc lại các tiếng, câu cõ. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp 4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn của bản thân. - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Giữ gìn sức khỏe và an toàn 2. Giáo dục phát triển nhận thức: * Khám phá khoa học: - Các bộ phận của cơ thể con người. - Đồ vật. - Động vật và thực vật. - Một số hiện tượng tự nhiên * Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán: - Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. - Xếp tương ứng. - So sánh, sắp xếp theo quy tắc. - Đo lường. - Hình dạng. - Định hướng trong không gian và định hướng thời gian. * Khám phá xã hội: - Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng. - Trường mầm non. - Một số nghề phổ biến. - Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội. 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận nhịp

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. 4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình Yêu thích, hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng bán trú theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ - Cam kết nguồn thực phẩm đảm bảo uy tín, chất lượng, an toàn giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo nguồn nước sạch, môi trường trong và ngoài lớp học an toàn – xanh – sạch đẹp – thân thiện. - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương... - Phối hợp với các trung tâm tổ chức tốt các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, vẽ, võ, Kỹ năng sống.	- Trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng bán trú theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ - Cam kết nguồn thực phẩm đảm bảo uy tín, chất lượng, an toàn giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo nguồn nước sạch, môi trường trong và ngoài lớp học an toàn – xanh – sạch đẹp – thân thiện. - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương... - Phối hợp với các trung tâm tổ chức tốt các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, vẽ, võ, kỹ năng sống.

Quận 6, ngày 05 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	455		29	58	103	125	140
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	455		29	58	103	125	140
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	455		29	58	103	125	140
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	455		29	58	103	125	140
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	455		29	58	103	125	140
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	455		29	58	103	125	140
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, toàn diện							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	435		29	58	99	129	129
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	78		29	58			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	357				103	125	140

VII	Đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch xây dựng CSGD đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian	- Giữ vững danh hiệu Chuẩn quốc gia mức độ 1 và Chất lượng giáo dục cấp độ 2.
------------	---	---


TRƯỞNG
MẦM NON
RẠNG ĐỒNG 4
HIỆU TRƯỞNG
 Văn Thị Thu Trang

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	23	10m²/trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	242/10: 1,661 m ² 134-136: 215,6 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	506,7 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²) (phòng ngủ, phòng ăn, phòng chơi)	852,8 m ²	
2	Diện tích phòng chức năng (m ²)	290,8 m ²	
	+ Thư viện:	/	
	+ Thẻ dực:	101,6 m ²	
	+ Âm nhạc:	130,8 m ²	
	+ Vật lý trị liệu:	/	
	+ Phòng chức năng khác: Phòng vi tính	58,4 m ²	
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)	58,4 m ² /lớp	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích bếp đúng quy cách (m ²) (bếp 1 chiều)	173,7m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Vi tính: 50 Máy chiếu: 01 Laptop: 01 Máy ảnh: 01 Máy in: 15 Máy phát nhạc: 01	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	16	01/01 lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	5	01/01 lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
5	Catsset	10	01/01 lớp
6	Đầu Video/đầu đĩa	13	01/01 lớp
7	Thiết bị khác	0	
8	Đồ chơi ngoài trời	53	
9	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn: 235 Ghế: 560	
9	Camera an ninh	04 bộ	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	x		x	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			


HIỆU TRƯỞNG
[Signature]
Vân Thị Thu Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46													
I	Giáo viên	29		01	19	06	03		03	21	05				
1	Nhà trẻ	08			07	01				07	01				
2	Mẫu giáo	21		01	20					16	04				
II	Cán bộ quản lý	03		02	01					02	01	03			
1	Hiệu trưởng			01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng			01	01					02		02			
III	Nhân viên	14													
1	Nhân viên văn thư	01				01			01						
2	Nhân viên kế toán	01			01						01				
3	Thủ quỹ	01			01										
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên khác	10					01	09							
..	..														



HIỆU TRƯỞNG

Văn Thị Thu Trang